

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 30-7-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15, TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Thanh Đức** và ông **Nguyễn Văn Quang**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2025/TLST-DS ngày 11/3/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST- DS, ngày 23/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị, nay là xã V, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Khu phố H, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông **Phan Dương T1**, sinh năm: 1968; Bà **Phạm Thị C**, sinh năm: 1973. Cùng địa chỉ: Thôn M, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền bà Nguyễn Thị H trình bày:* Vào ngày 04/5/2019 bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng ông Phan Dương T1 và bà Phạm Thị C vay số tiền 1.090.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm, lãi suất là

1%/tháng. Vào ngày 04/6/2019 tức sau 01 tháng kể từ ngày vay thì ông T1 có xác nhận nợ thêm 10 triệu tiền lãi. Tiếp đó, vào ngày 08/7/2023 bà T có cho vợ chồng ông Phan Dương T1 và bà Phạm Thị C vay số tiền 500.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm, lãi suất là 1%/tháng. Khi vay tiền có ông T1 và bà T tham gia, có người làm chứng là ông Trần Quang T2.

Nguyên đơn yêu cầu buộc ông Phan Dương T1 và bà Phạm Thị C trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 1.590.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng từ khi vay tiền cho đến khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Phan Dương T1 và bà Phạm Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 09/7/2024 cho đến khi Tòa án giải quyết vụ án. Đối với khoản vay 1.090.000.000 đồng vợ chồng ông T1, bà C đã trả nhiều đợt và đã thanh toán xong vào cuối năm 2023, nên nguyên đơn xin rút lại yêu cầu giải quyết đối với khoản vay 1.090.000.000 đồng.

Bị đơn ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn luôn vắng mặt không lý do và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án, không có yêu cầu phản tố cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 500.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định. Ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.090.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị T khởi kiện bị đơn ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có địa chỉ tại thị xã L, tỉnh Bình Thuận nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, TAND thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, nay là TAND khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Phan Dương T1 và bà Phạm Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Đối với khoản vay 1.090.000.000 đồng vợ chồng ông T1, bà C đã thanh toán xong, nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, xin rút lại đối với phần yêu cầu này. Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, do đó HĐXX chấp nhận đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với khoản nợ gốc:

Nguyên đơn cho rằng ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C vay số tiền 1.090.000.000 đồng vào ngày 04/5/2019 và 500.000.000 đồng vào ngày 08/7/2023. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn cung cấp 02 giấy tay vay tiền bản chính cho Tòa án xem xét. Xét giấy tay vay tiền do nguyên đơn cung cấp, có nội dung thể hiện: Vào ngày 04/5/2019, bà Nguyễn Thị T cho ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C vay số tiền 1.090.000.000 đồng với thời hạn từ ngày 04/5/2019 đến 04/5/2020; Vào ngày 08/7/2023, bà Nguyễn Thị T cho ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C vay số tiền 500.000.000 đồng với thời hạn từ ngày 08/7/2023 đến 08/7/2024. Sau đó, vợ chồng ông T1, bà C đã trả nợ nhiều lần và vào cuối năm 2023 đã thanh toán xong khoản vay 1.090.000.000 đồng, nợ lại khoản vay 500 triệu đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C nhiều lần nhưng ông, bà không đến và cũng không có ý kiến gửi đến

Tòa án nên việc vắng mặt của ông T1, bà C được coi là từ bỏ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa các bên có xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn theo quy định tại Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy hợp đồng trên là hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để khẳng định: Bà Nguyễn Thị T có cho ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C vay hai lần với tổng số tiền 1.590.000.000 đồng. Đã hết thời hạn vay nhưng ông T1, bà C chỉ thanh toán 1.090.000.000 đồng, nợ lại 500 triệu đồng, nên việc bà T khởi kiện yêu cầu ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C trả khoản nợ đã vay còn lại 500.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi:

Tại phiên toà, nguyên đơn đề nghị tính lãi chậm trả từ ngày hết thời hạn vay đến ngày Tòa án xét xử theo lãi suất 10%/năm. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản vay 500.000.000 đồng: Thời hạn chậm trả từ ngày 09/7/2024 đến ngày 30/7/2025: $500.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 12 \text{ tháng} = 52.916.666 \text{ đồng}$.

[2.3] Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn là $500.000.000 \text{ đồng} + 52.916.666 \text{ đồng} = 552.916.666 \text{ đồng}$.

[2.4] Về trách nhiệm trả nợ:

Bà Nguyễn Thị T có cho ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C hai lần vay tiền, vào ngày 04/5/2019 và ngày 08/7/2023. Tại khoản vay 1.090.000.000 đồng ngày 04/5/2019 thì vợ chồng ông T1, bà C cùng ký xác nhận vay tiền, đối với khoản vay 500 triệu đồng thì chỉ có ông T1 ký xác nhận. Xét thấy, trong thời kỳ hôn nhân ông T1, bà C nhiều lần vay tiền của bà T. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông T1, bà C nhiều lần nhưng ông, bà không đến Tòa để trình bày ý kiến, nên việc vắng mặt này được coi là từ bỏ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án. Do đó, khoản tiền nợ gốc được xác định như mục [2.3] nêu trên, vợ chồng ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C có trách nhiệm liên đới trả cho bà T theo khoản 4 Điều 37 và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, 466, 470, 357 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

Buộc ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền **552.916.666** đồng, trong đó gồm 500.000.000 đồng nợ gốc và 52.916.666 đồng tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu buộc ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.090.000.000 đồng.

2. Án phí:

- Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phan Dương T1, bà Phạm Thị C phải có nghĩa vụ liên đới chịu 26.116.500 đồng (Hai mươi sáu triệu, một trăm mười sáu ngàn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. (Đã làm tròn).

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 15 – tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Thịnh